TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:07/2021/KDTM - ST
Ngày: 23/6/2021
V/V *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Sang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Đình Hồng
2. Bà Đặng Thị Thỏa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2019/TLST- KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST- KDTM, ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

-**Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP T

Địa chỉ: Số 89, L, phường L, quận Đ, tp H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người được ủy quyền ông: Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Ngọc V – Sinh năm 1988 -Chuyên viên xử lý nợ (Có mặt).

- Bị đơn:

+ Chị: Phạm Thị Thu H– Sinh năm: 1976

+ Anh: Nguyễn Đức S – Sinh năm: 1974

Đều trú tại: Số nhà 04, Đ, Khu 10, phường N, thị xã B, tỉnh T (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/01/2019 và trong quá trình giải quyết xét xử, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn trình bày:

Quan hệ tiền vay và tài sản bảo đảm tiền vay giữa Ngân hàng TMCP T với chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S:

**** Quan hệ tiền vay:***

Trong năm 2015, chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S đã có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP T thông qua các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015, số tiền cho vay: 682.500.000 đồng. Ngân hàng TMCP T đã thực hiện giải ngân cho vay với số tiền là: 682.500.000 đồng. Ngày giải ngân là ngày 09/4/2015.

Thời hạn vay vốn: 72 tháng kể từ ngày 09/4/2015.

Mục đích vay vốn: Thanh toán mua xe đầu kéo nhãn hiệu HOWO A7.

Lãi suất vay: 7,99% trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết 12 tháng lãi xuất được điều chỉnh 03 tháng một lần.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hình thức trả gốc, lãi: Bên vay trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay theoHợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 là:

- Xe ô tô đầu kéo mầu bạc, hiệu CNHTC ZZ4257N; Số khung LSB7EA 033186 Biển kiểm soát 36C – 10351 thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S. Theo hợp đồng thế chấp số: 3077436 ngày 09/4/2015.

Tổng dư nợ của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S theo hợp đồng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 là:

1. Vốn vay ban đầu là 682.500.000 đồng.
2. Số tiền khách hàng đã trả tính đến ngày 23/6/2021 là:

+ Nợ gốc đã trả 265.412.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn đã trả: 135.037.632 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn đã trả: 660.649 đồng.

3. Gốc kỳ cuối (gốc còn lại tính đến ngày 23/6/2021 là 417.088.000 đồng).

4. Lãi trong hạn tính từ ngày 10/4/2015 đến ngày 10/9/2017 là: 137.112.109 đồng (Nợ gốc cuối kỳ còn lại là 426.567.000; lãi xuất áp dụng 12,8%/năm; số tháng tính lãi 30 tháng).

5. Lãi quá hạn tính từ ngày 11/9/2017 đến ngày 23/6/2021: 312.719.704 đồng; (Nợ gốc cuối kỳ còn lại 417.088.000 đồng; lãi xuất quá hạn áp dụng 19,56%/ năm; số tháng tính lãi là 46 tháng).

6. Thời điểm tính lãi trong hạn tính từ ngày 10/4/2015 đến ngày 10/9/2017, cụ thể là 30 tháng.

7. Thời điểm tính lãi quá hạn từ ngày 11/9/2017 đến ngày 23/6/2021, cụ thể là 46 tháng.

8. VPBank yêu cầu bị đơn phải trả nợ tính đến ngày 23/6/2021, gốc, lãi trong hạn, lãi qua hạn là:

Nợ gốc: 417.088.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 2.074.477 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 312.059.055 đồng

Tổng cộng: 731.221.532 đồng.

9. Lãi phát sinh kể từ ngày 24/6/2021, yêu cầu phía bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi xuất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3077436 ngày 09/4/2015.

Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015, số tiền cho vay: 304.500.000 đồng. Ngân hàng TMCP T đã thực hiện giải ngân cho vay với số tiền là: 304.500.000 đồng. Ngày giải ngân là ngày 12/5/2015.

Thời hạn vay vốn: 72 tháng kể từ ngày 12/5/2015.

Mục đích vay vốn: Thanh toán mua Sơ mi rơ móc – CIMC.

Lãi suất vay: 7,99% trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết 12 tháng lãi xuất được điều chỉnh 03 tháng một lần.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hình thức trả gốc, lãi: Bên vay trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng.

**** Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015là:***

- Xe Sơ mi rơ móc mầu xanh, hiệu CIMC; Số khung 3386FN 030692 Biển kiểm soát 36R – 00552 thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S. Theo hợp đồng thế chấp số: 3077436/2 ngày 09/5/2015.

Tổng dư nợ của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S theo hợp đồng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015là:

1. Vốn vay ban đầu là 304.500.000 đồng.
2. Số tiền khách hàng đã trả tính đến ngày 23/6/2021 là:

+ Nợ gốc đã trả 114.183.000 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn đã trả: 54.045.093 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn đã trả: 4.381.821 đồng.

3. Gốc kỳ cuối (gốc còn lại tính đến ngày 23/6/2021 là 190.317.000 đồng).

4. Lãi trong hạn tính từ ngày 12/5/2015 đến ngày 10/9/2017 là: 59.223.138 đồng (Nợ gốc cuối kỳ còn lại là 198.775.000; lãi xuất ấp dụng 12,3%/năm; số tháng tính lãi 29 tháng).

5. Lãi quá hạn tính từ ngày 11/9/2017 đến ngày 23/6/2021: 142.669.006 đồng; (Nợ gốc cuối kỳ còn lại 190.775.000 đồng; lãi xuất quá hạn áp dụng 19,5%/ năm; số tháng tính lãi là 46 tháng).

6. Thời điểm tính lãi trong hạn tính từ ngày 12/5/2015 đến ngày 10/9/2017, cụ thể là 29 tháng.

7. Thời điểm tính lãi quá hạn từ ngày 11/9/2017 đến ngày 23/6/2021, cụ thể là 46 tháng.

8. VPBank yêu cầu bị đơn phải trả nợ tính đến ngày 23/6/2021, gốc, lãi trong hạn, lãi qua hạn là:

Nợ gốc: 190.775.000 đồng

Nợ lãi trong hạn: 5.178.045 đồng.

Nợ lãi quá hạn: 138.287.185 đồng

Tổng cộng: 333.782.230 đồng.

9. Lãi phát sinh kể từ ngày 24/6/2021, yêu cầu phía bị đơn tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi xuất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 3077436/2 ngày 12/5/2015.

Tổng cộng nợ cả 02 Hợp đồng tín dụng số 3077436 ngày 09/4/2015 số 3077436/2 ngày 12/5/2015 VPBank yêu cầu ông S và bà H phải thanh toán số nợ tính đến này 23/6/2021 là:

Hợp đồng	Hợp đồng tín dụng số 3077436 ngày 09/4/2015	Hợp đồng tín dụng số 3077436/2 ngày 12/5/2015	Tổng cộng
Nợ gốc	417.088.000	190.775.000	607.405.000
Nợ lãi trong hạn	2.074.477	5.178.045	7.252.522
Nợ lãi quá hạn	312.059.055	138.287.185	450.346.240

Tổng cộng	731.221.532	333.782.230	1.065.003.762

10. Trường hợp ông Nguyễn Đức S và bà Phạm Thị Thu H không trả đúng và đủ số tiền nêu trên. VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ nếu có căn cứ tài sản là xe: Ô tô đầu kéo, màu bạc nhãn hiệu CNHTC, biển kiểm soát 36C – 103.51 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009384 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/4/2015. Hợp đồng thế chấp số 3077346 ngày 09/4/2015 và xe ô tô rơ móc, màu xanh nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát 36R – 005.52 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000514 do phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 04/4/2015. Hợp đồng thế chấp số 3077346/2 ngày 09/5/2015 còn trên thực tế để thu hồi nợ. Tiếp tục trả nợ cho ngân hàng bằng các nguồn tài chính khác nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với ngân hàng.

Hợp đồng tín dụng số: 3811148 ký ngày 03/7/2015, số tiền cho vay: 778.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP T đã thực hiện giải ngân cho vay với số tiền là: 778.000.000 đồng. Ngày giải ngân là ngày 03/7/2015.

Thời hạn vay vốn: 300 tháng kể từ ngày 03/7/2015.

Mục đích vay vốn: Mua bất động sản.

Lãi suất vay: Quy định chi tiết tại Hợp đồng tín dụng.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hình thức trả gốc, lãi: Bên vay trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng.

Tổng dư nợ của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S theo hợp đồng số: 3811148 ký ngày 03/7/2015 tính đến ngày 03/01/2019 là: 932.515.182đ, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc : 719.698.000đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 4.016.222đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 156.240.438đồng.
+ Tiền phạt chậm trả lãi: 21.040.522 đồng.
+ Hoàn trả tiền ưu đãi: 31.520.000 đồng

Kể từ ngày 10/10/2017 chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S bắt đầu vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng quy định cụ thể tại hợp đồng số:3811148 ký ngày 03/7/2015.

Hợp đồng tín dụng số: 4068911 ký ngày 05/8/2015, số tiền cho vay: 310.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP T đã thực hiện giải ngân cho vay với số tiền là: 310.000.000 đồng. Ngày giải ngân là ngày 05/8/2015.

Thời hạn vay vốn: 120 tháng kể từ ngày 05/8/2015.

Mục đích vay vốn: Vay tiêu dùng mua sắm nội thất.

Lãi suất vay: Quy định chi tiết tại Hợp đồng tín dụng.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Hình thức trả gốc, lãi: Bên vay trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 30 hàng tháng.

Tổng dư nợ của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S theo hợp đồng số: 4068911 ký ngày 05/8/2015 tính đến ngày 03/01/2019 là: 329.543.221đ, cụ thể như sau:

+ Nợ gốc : 245.425.000đồng.
+ Nợ lãi trong hạn: 4.803.250đồng.
+ Nợ lãi quá hạn: 57.723.960đồng.
+ Tiền phạt chậm trả lãi: 9.191.010 đồng.
+ Hoàn trả tiền ưu đãi: 12.400.000 đồng

Kể từ ngày 30/9/2017 chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S bắt đầu vi phạm nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng quy định cụ thể tại hợp đồng số:4068911 ký ngày 05/8/2015.

**** Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: 3811148 ký ngày 03/7/2015 và theo Hợp đồng tín dụng số: 4068911 ký ngày 05/8/2015 là:***

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 37, tờ bản đồ số 83, tại số nhà 04, đường Đ phường N, thị xã B, tỉnh T, theo hợp đồng thế chấp số 3811148 ngày 20/7/2015.

Sau khi khoản vay quá hạn Ngân hàng TMCP đã gửi rất nhiều các "Thông báo nợ quá hạn" đến chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S, đồng thời Ngân hàng TMCP cũng đã tiến hành nhiều buổi làm việc trực tiếp với chị H và anh S về việc giải quyết khoản nợ quá hạn trên, hỗ trợ, tạo điều kiện cho chị H và anh S trả nợ. Về phía chị H và anh S cũng đã nhiều lần cam kết với Ngân hàng về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng trên thực tế chị H và anh S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết. Đến nay, chị H và anh S hoàn toàn không có thiện chí trong việc trả nợ Ngân hàng, đồng thời cũng không hợp tác trong việc bàn giao tài sản bảo đảm cho Ngân hàng xử lý.

Nay Ngân hàng TMCP yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S phải thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và khoản tiền lãi (trong hạn, quá hạn) phát sinh tính đến ngày 03/01/2019 cho Ngân hàng TMCP , cụ thể như sau:

+ Nợ gốc : 1.572.528.000đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: 16.071.994đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: 357.323.994 đồng.

+ Tiền phạt chậm trả lãi: 51.958.676 đồng.

+ Hoàn trả tiền ưu đãi: 83.400.000 đồng

Tổng cộng:2.081.281.966(Hai tỷ không trăm tám mươi mốt triệu, hai trăm tám mươi mốt nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

+ Và Lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng từ ngày 04/01/2019 cho đến thời điểm chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S trả hết nợ vay.

- Trường hợp chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên xử lý phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Ngân hàng TMCP , cụ thể như sau: Hợp đồng thế chấp số: 3077436 ngày 09/4/2015, Hợp đồng thế chấp số: 3077436/2 ngày 09/5/2015 và Hợp đồng thế chấp số 3811148 ngày 20/7/2015giữa Ngân hàng TMCP và Bên thế chấp.

Trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp nêu trên mà chưa thu hết nợ cho Ngân hàng bao gồm: gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả và hoàn trả tiền ưu đãi phát sinh đến thời điểm trả hết nợ. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên tất cả các tài sản và nguồn thu nhập khác của chị H và anh S để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòaNgân hàng TMCP xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm:

+ Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chị H và anh S đối với các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng số: 3811148 ký ngày 03/7/2015,Hợp đồng tín dụng số: 4068911 ký ngày 05/8/2015 và Hợp đồng thế chấp số 3811148 ngày 20/7/2015.

+ Ngày 05/6/2020 Ngân hàng rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đối với Hợp đồng thế chấp số: 3077436 ngày 09/4/2015, Hợp đồng thế chấp số: 3077436/2 ngày 09/5/2015 do trong quá trình giải quyết vụ án không xác định được tài sản thế chấp còn hay không? Ngân hàng sẽ yêu cầu tại cơ quan thi hành án nếu có căn cứ xác định tài sản thế chấp là còn.

+ Rút yêu cầu đối với khoản Tiền phạt chậm trả lãi và Hoàn trả tiền ưu đãi đối

với Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015.

Tính đến ngày 23/6/2021 là ngày vụ án được xét xửchị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S còn nợ lại ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 là:

+ Nợ gốc : 417.088.000đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: Tính từ 10/4/2015 đến 10/9/2017= 2.074.477đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: Tính từ 11/9/2017 đến 23/6/2021= 312.059.055đồng.

+Tổng cộng: 731.221.532 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015 là:

+ Nợ gốc : 190.317.000đồng.

+ Nợ lãi trong hạn: Tính từ 12/5/2015 đến 10/9/2017 = 5.178045 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn: Tính từ 11/9/2017 đến 23/6/2021= 138.287.185 đồng.

+Tổng cộng: 333.782.230 đồng

Tổng số tiền gốc và lãi của hai hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015 là: 1.065.033.762 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện của Ngân hàng TMCP đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 23/6/2021 gồm Tiền gốc, tiền lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất: 1.065.033.762 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 24/6/2021 cho đến khi anh S và chị H trả hết nợ. Ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp khi có căn cứ xác định tài sản thế chấp là còn. Trường hợp bị đơn không còn tài sản thế chấp để trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Thi hành án xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn S, H để thi hành án theo quy định trong hợp đồng tín dụng.

Đối với bị đơnchị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S: Tòa án tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập chochị H và anh S, thông báo cho chị H và anh S ngày giờ đến Tòa án để làm bản tự khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, hiện chị H và anh S đang có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương nhưng chị H và anh S không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, nên Tòa án không tiến hành được các thủ tục pháp lý của chị H và anh S, không hòa giải được vụ án và tại phiên tòa chị H và anh S cũng vắng mặt không có lý do.

***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn tại phiên tòa:**

HĐXX đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc phần tranh luận. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS; Bị đơn không chấp hành nghiêmquy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đưa ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 30, Điều 147, khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 165, Điều 227, 228 và 244 BLTTDS năm 2015;Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 229, 320, 463 BLDS; Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/ 2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của VPbank đối với các vấn đề liên quan đối với 02 HĐTD sau: HĐTD số 3811148 ngày 03/7/2015 và HĐTD số 4068911ngày 05/8/2015 đồng thời không yêu cầu anh S chị H phải thanh toán *khoản lãi phạt chậm trả, khoản hoàn trả tiền ưu đãivà xử lý tài sản thế chấp xe ô tô*đối với HĐTD số 3077436 ký ngày 09/04/2015 và HĐTD số 3077436/2 ký ngày 12/5/2015

- Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng VPbank buộc anh S chị H phải thanh toán toàn bộ nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn của HĐTD số 3077436 ký ngày 09/04/2015 và HĐTD số 3077436/2 ký ngày 12/5/2015 tính đến ngày xét xử (23/6/2021)

Nợ gốc: 417.088.000đ +190.317.000đ=607.405.000đ

Lãi trong hạn: 2074.477đ + 5178.045đ = 7.252.522đ

Nợ lãi quá hạn: 312.059.055đ + 138.287.185đ =450.346.240đ.

Tổng: 1.065.003.762 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh S, chị H còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Nếu Nguyên đơn Ngân hàng Vpbank chứng minh được tài sản thế chấp là 01 xe ô tô đầu kéo, màu bạc hiệu CNHTC ZZ4257N BKS 36C- 103.51, số khung LSB7EA033186, SM 141117575507 theo HĐ thế chấp số 3077436 ký ngày 09/04/2015 và 01 xe Rơmooc, màu xanh BKS 36R-005.52 nhãn hiệu CIMC, số khung 338FN030692 theo HĐ thế chấp số 3077436/2 ký ngày 12/5/2015 đang còn thì có quyền khởi kiện xử lý lý tài sản thế chấp ở 01 vụ án khác.

Trường hợp anh S, chị H không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàngVPbank có quyền đề nghị Cơ quan THA dân sự kê biên, phát mại tài sản khác thuộc quyền sử dụng, định đoạt của anh S, chị H để thu hồi nợ.

- *Về chi phí tố tụng:*khoản tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng VPbank tự chịu không yêu cầu anh S chị H phải nộp

- *Về án phí:* Buộc anh S, chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP khởi kiện chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S với nội dung yêu cầu: Buộc chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 23/6/2021 (Ngày xét xử sơ thẩm) với tổng số tiền gốc và lãi của cả hai hợp đồng là: 1.065.033.762 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 24/6/2021 cho đến khi anh S và chị H trả hết nợ. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, cụ thể là " tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS. Bị đơn chị H anh S đều có hộ khẩu thường trú tại phường N, thị xã B, trong hợp đồng tín dụng hai bên có thỏa thuận Tòa án giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân nơi giao kết hợp đồng "Ngân hàng TMCP chi nhánh B"nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S đây là lần thứ hai bị đơn vắng mặt nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung vụ án:

Trong năm 2015, chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S đã có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V thông qua các hợp đồng tín dụng sau:
Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015, Hợp đồng thế chấp số: 3077436 ngày 09/4/2015, Hợp đồng thế chấp số: 3077436/2 ngày 09/5/2015. Nội dung các điều khoản trong các Hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bên được Nhà nước cấp phép. Sau khi ký kết Hợp đồng chị H và anh S vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với tổng số tiền là 987.000.000đồng, mua phương tiện vận tải, thời hạn vay củalà 72 tháng kể từ ngày vay (Ngày 09/4/2015 và ngày 12/5/2015), lãi suất cho vay như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng chị H và anh S mới trả được 379.595.000đ, còn lại 607.405.000đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù phía nguyên đơn Ngân hàng đã nhiều lần đôn đóc việc trả nợ nhưng phía bị đơn cố tình trốn tránhnên Ngân hàng TMCP khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ gốc trên là phù hợp.

Về lãi suất: Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, xét thấy: Về thời điểm các bên ký kết Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015. Căn cứ

Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tại Điều 1 của Thông tư quy định: Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.Tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015 đã quy định về lãi suất cho vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lịch trả nợ lãi: Lãi vay được thanh toán theo định kỳ vào ngày mùng 10 hàng tháng của cả hai hợp đồng. Như vậy việc yêu cầu lãi suất của nguyên đơn dựa trên sự thỏa thuận của các bên khi ký kết Hợp đồng tín dụng, cơ cấu tính lãi suất của từng thời kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP : Buộc chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 23/6/2021 (Ngày xét xử sơ thẩm) là: Tiền gốc 607.405.000 đồng; lãi suất tính đến ngày 23/6/2021 là: Tiền lãi suất trong hạn của cả hai hợp đồng 7.252.522 đồng, lãi suất quá hạn của cả hai hợp đồng 450.346.240 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi suất: 1.065.003.762 đồng (Một tỷ không trăm sáu lăm triệu không trăm lẻ ba nghìn bảy trăm sáu hai đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện anh S và chị H cụ thể là rút yêu cầu khởi kiện đối với các hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụngsố: 3811148 ký ngày 03/7/2015, Hợp đồng tín dụng số: 4068911 ký ngày 05/8/2015, Hợp đồng thế chấp số 3811148 ngày 20/7/2015. Tòa án đã đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện theo Quyết định đình chỉ giải quyết một phần vụ án kinh doanh thương mại số: 35/2021/QĐST – KDTM ngày 14/5/2021của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tỉnh Thanh Hóa "Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đối với anh S và chị H theo các Hợp đồng tín dụng số: 3811148 ký ngày 03/7/2015, Hợp đồng tín dụng số: 4068911 ký ngày 05/8/2015".

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP xin rút một phần yêu cầu khởi kiện anh S và chị H cụ thể là rút yêu cầu với khoản Tiền phạt chậm trả lãi và Hoàn trả tiền ưu đãi đối với Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015. Xét đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không trái với đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện củaNgân hàng TMCP .

[3]Về tài sản thế chấp:

Qua xem xét thẩm định tại chỗtài sản thế chấp thì Xe ô tô đầu kéo mầu bạc, hiệu CNHTC ZZ4257N; Số khung LSB7EA 033186 Biển kiểm soát 36C – 10351 thuộc

quyền sở hữu của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S và Xe Sơ mi rơ móc mầu xanh, hiệu CIMC; Số khung 3386FN 030692 Biển kiểm soát 36R – 00552 thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S không có nên Tòa án không có nên không tiến hành thẩm định được. Ngân hàngTMCP đã có đơn xin rút yêu cầu về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: 3077436 ngày 09/4/2015, Hợp đồng thế chấp số: 3077436/2 ngày 09/5/2015 việc rút yêu cầu của ngân hàngTMCP đốiđối với anh S và chị H là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận.

Nếu Ngân hàng Vpbank chứng minh được tài sản thế chấp là 01 xe ô tô đầu kéo, màu bạc hiệu CNHTC ZZ4257N BKS 36C- 103.51, số khung LSB7EA033186, SM 141117575507 theo HĐ thế chấp số 3077436 ký ngày 09/04/2015 và 01 xe Rơmooc, màu xanh BKS 36R-005.52 nhãn hiệu CIMC, số khung 338FN030692 theo HĐ thế chấp số 3077436/2 ký ngày 12/5/2015 đang còn thì có quyền khởi kiện xử lý lý tài sản thế chấp ở 01 vụ án khác.

[4]Chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng không đề nghị giải quyết đối với số tiền mà Ngân hàng đã bỏ ra để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

[5]Về án phí:Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S phải chịu án phí KDTMST đối với khoản tiền phải thanh toán cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng không phải chịu án phí KDTMST và trả lại số tiền tạm ứng án phí còn lại sau khi trừ đi 18.524.520đ theo Quyết định đình chỉ giải quyết một phần vụ án kinh doanh thương mại số: 35/2021/QĐST – KDTM ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn tỉnh Thanh Hóa cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 280, Điều 351, Điều 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 217 và Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T.

2- Buộcchị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S có nghĩa vụtrả tiền cho Ngân hàng TMCP T theo Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 và Hợp đồng tín

dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015tính đến ngày 23/6/2021(Ngày xét xử sơ thẩm): Số tiền gốclà 607.405.000đồng*(Sáu trăm linh bảy triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng)* và số tiền lãi suất là: Lãi suất trong hạn 7.252.522 đồng*(Bảy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm hai hai đồng)*, lãi suất quá hạn 450.346.240 đồng*(Bốn trăm năm mươi triệu ba trăm bốn sáu nghìn hai trăm bốn mươi đồng).* Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là: 1.065.003.762 đồng*(Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu không trăm không ba nghìn bảy trăm sáu mươi hai đồng).*

Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh đối với khoản tiền dư nợ gốc kể từ ngày 24/6/2021 cho đến khi thanh toán hết số dư nợ theo mức lãi suất và các điều khoản quy định mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3077436 ký ngày 09/4/2015 và Hợp đồng tín dụng số: 3077436/2 ký ngày 12/5/2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của VPbank đối với khoản lãi phạt chậm trả, khoản hoàn trả tiền ưu đãivà xử lý tài sản thế chấp của haiHợp đồng tín dụng số 3077436 ký ngày 09/04/2015 và HĐTD số 3077436/2 ký ngày 12/5/2015.

Nếu Ngân hàng Vpbank chứng minh được tài sản thế chấp là 01 xe ô tô đầu kéo, màu bạc hiệu CNHTC ZZ4257N BKS 36C- 103.51, số khung LSB7EA033186, SM 141117575507 theo Hợp đồng thế chấp số 3077436 ký ngày 09/04/2015 và 01 xe Rơmooc, màu xanh BKS 36R-005.52 nhãn hiệu CIMC, số khung 338FN030692 theo Hợp đồng thế chấp số 3077436/2 ký ngày 12/5/2015 đang còn thì có quyền khởi kiện xử lý lý tài sản thế chấp ở 01 vụ án khác.

3- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Nếu chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S không thanh toán hết số tiền trên cho Ngân hàng TMCP T, thì Ngân hàng TMCP có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành ánbuộc chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S trả nợ cho ngân hàng bằng các nguồn tài chính khác của chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ đối với ngân hàng.

4- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Đức S phải chịu 43.950.113 đồng *(Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi nghìn một trăm mười ba đồng)*,án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch. Cụ thể: Chị Phạm Thị Thu H phải chịu 21.975.056đ; anh Nguyễn Đức S phải chịu 21.975.056đ.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP T số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng đã nộp còn lại là 18.288.300đồng *(Mười tám triệu hai trăm tám mươi tám nghìn ba trăm đồng*) theo biên lai thu số AA/2017/0000845 ngày 07/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

5- Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/6/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tòa án niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án , người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiêuh thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Bỉm Sơn;
- Đương sự
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS thị xã Bỉm Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ngô Xuân Sang

kê biên, phát mại tài sản bảo đảm nếu có căn cứ chứng minh "Xe ô tô đầu kéo mầu bạc, hiệu CNHTC ZZ4257N; Số khung LSB7EA 033186 Biển kiểm soát 36C – 10351 thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị Thu Hà và anh Nguyễn Đức Sơn. Theo hợp đồng thế chấp số: 3077436 ngày 09/4/2015 và Xe Sơ mi rơ móc mầu xanh, hiệu CIMC; Số khung 3386FN 030692 Biển kiểm soát 36R – 00552 thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị Thu Hà và anh Nguyễn Đức Sơn. Theo hợp đồng thế chấp số: 3077436/2 ngày 09/5/2015" là còn.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA